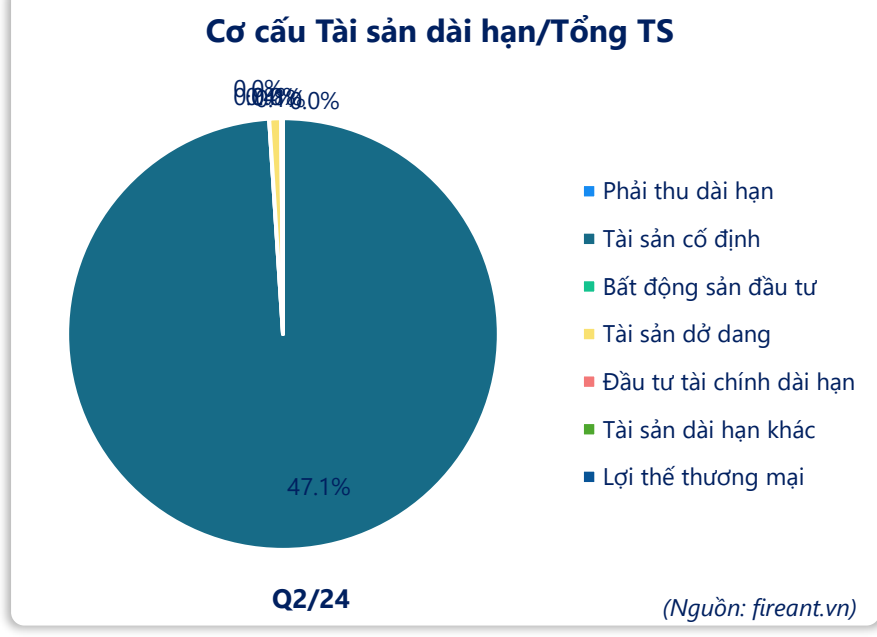
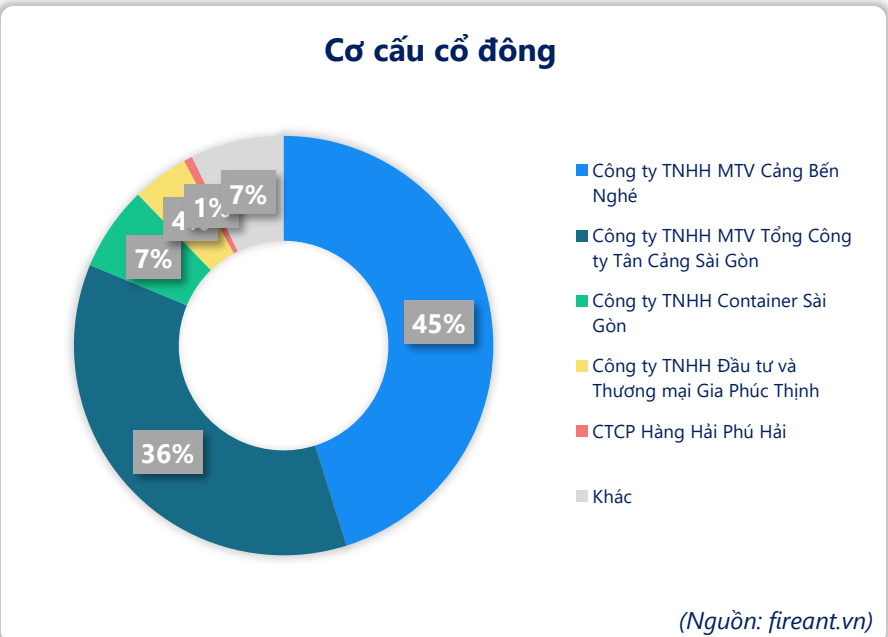
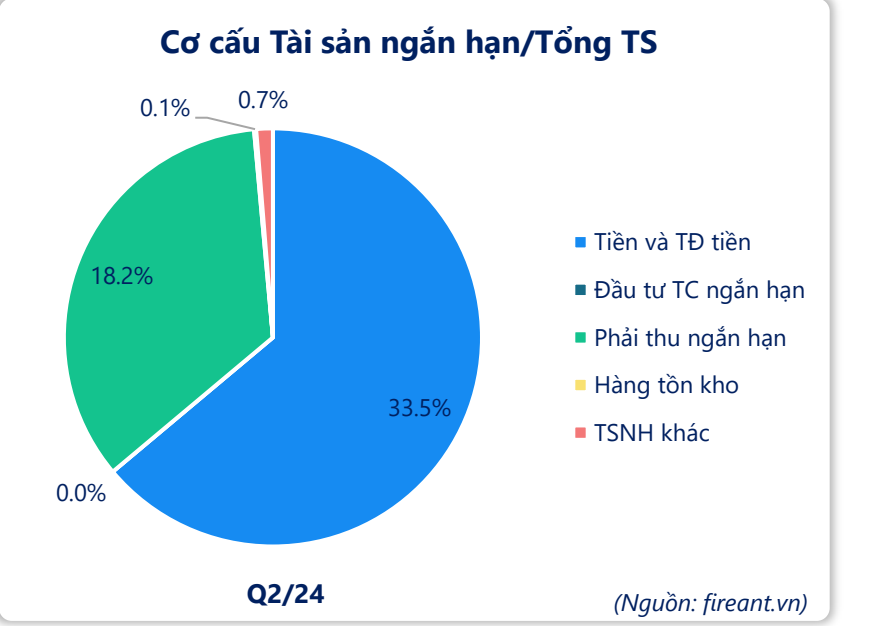
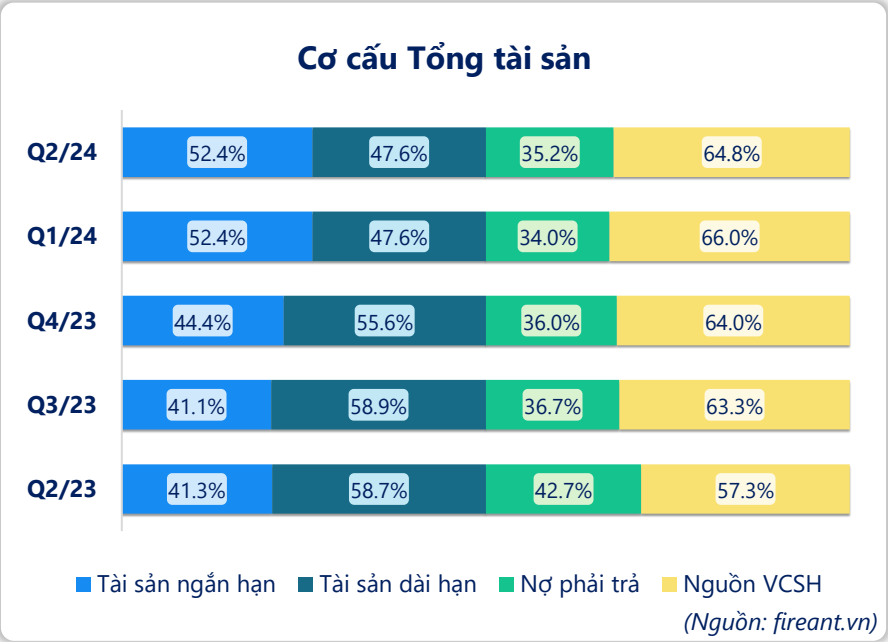
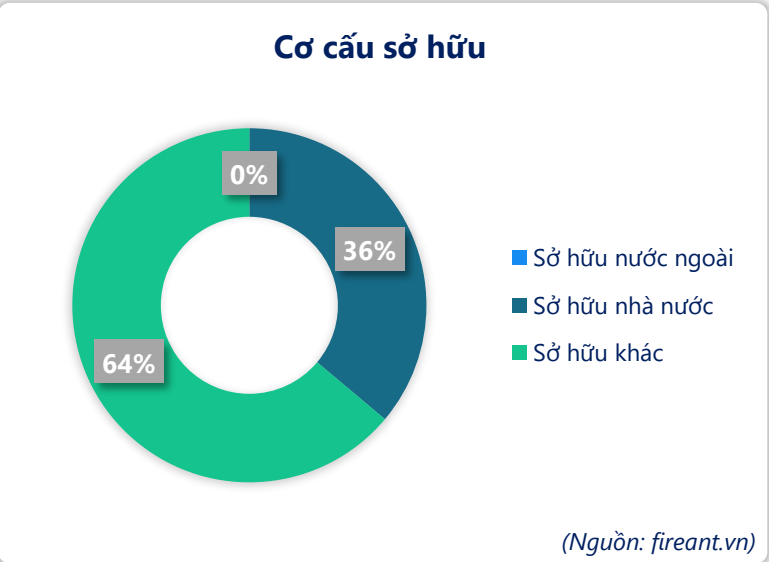
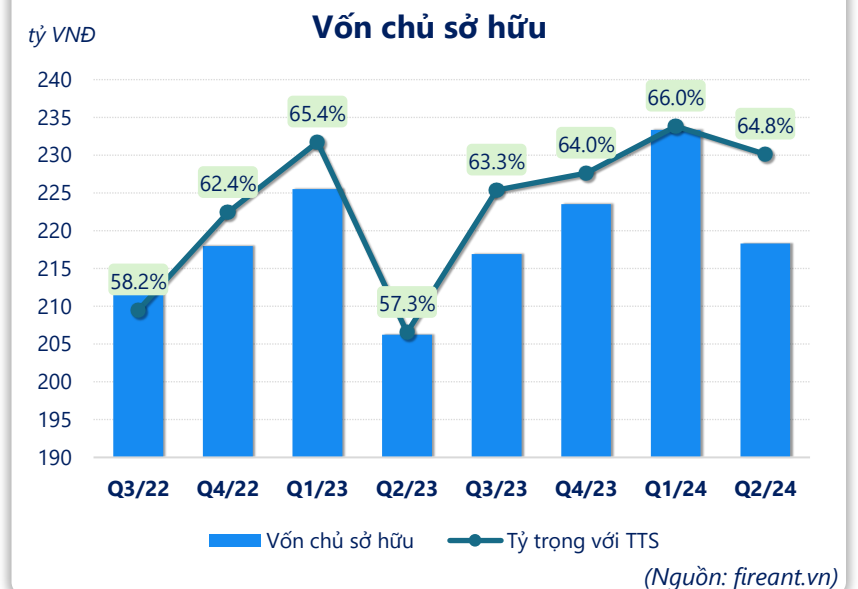
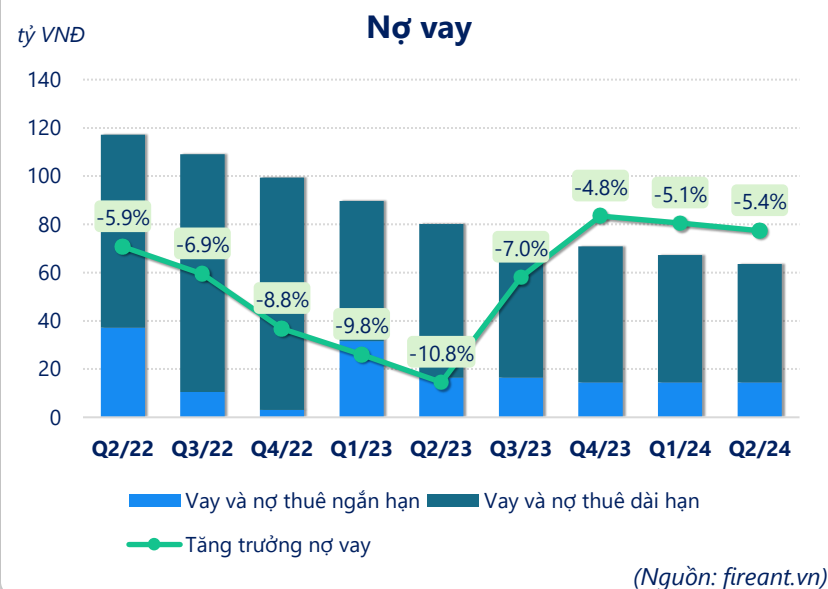
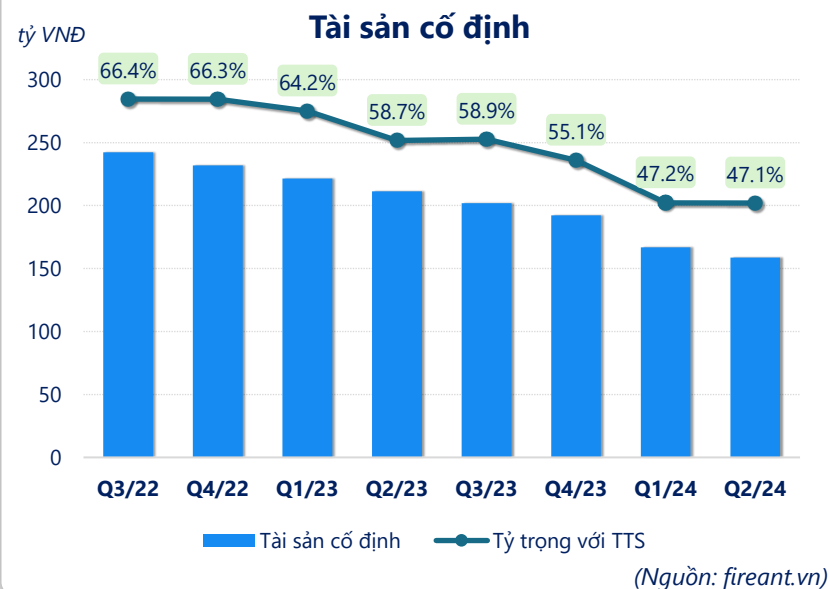
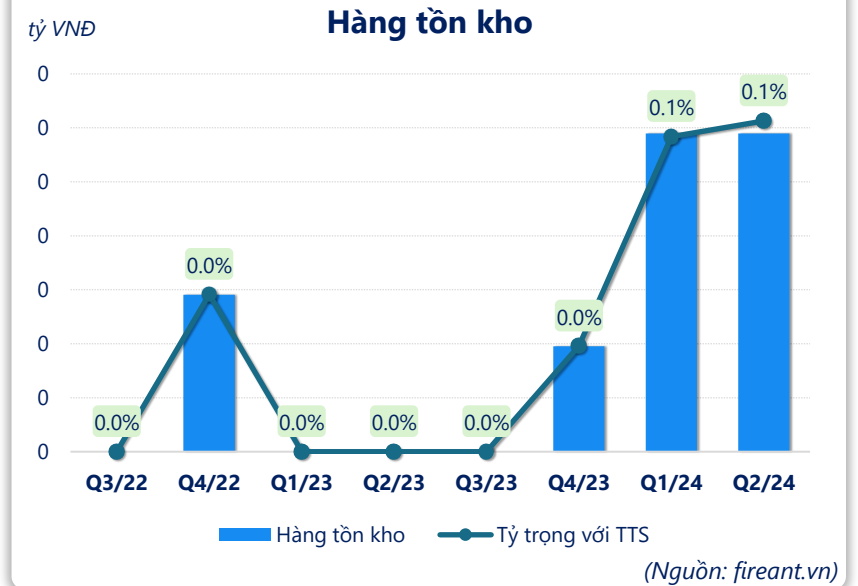
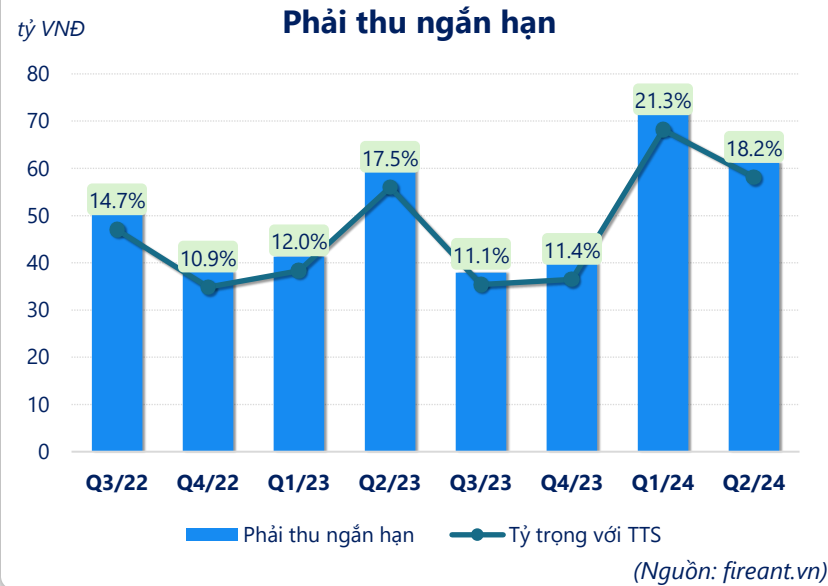
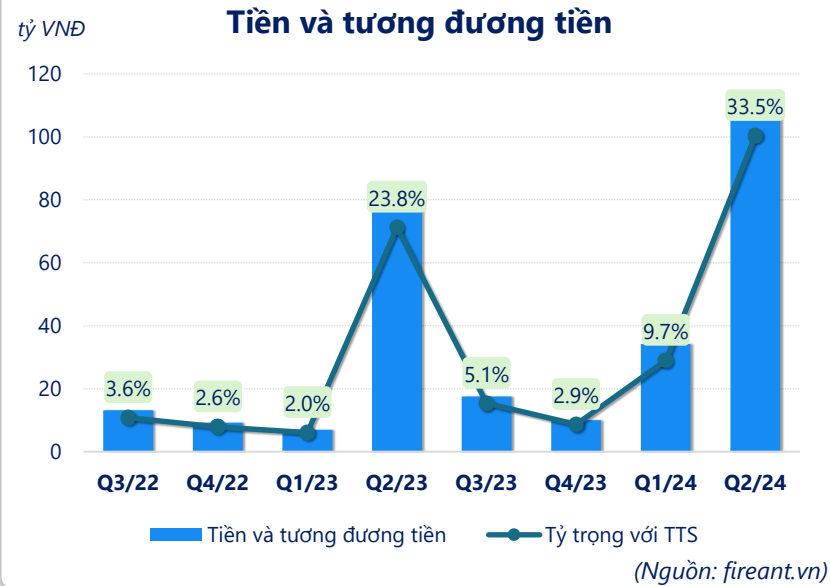
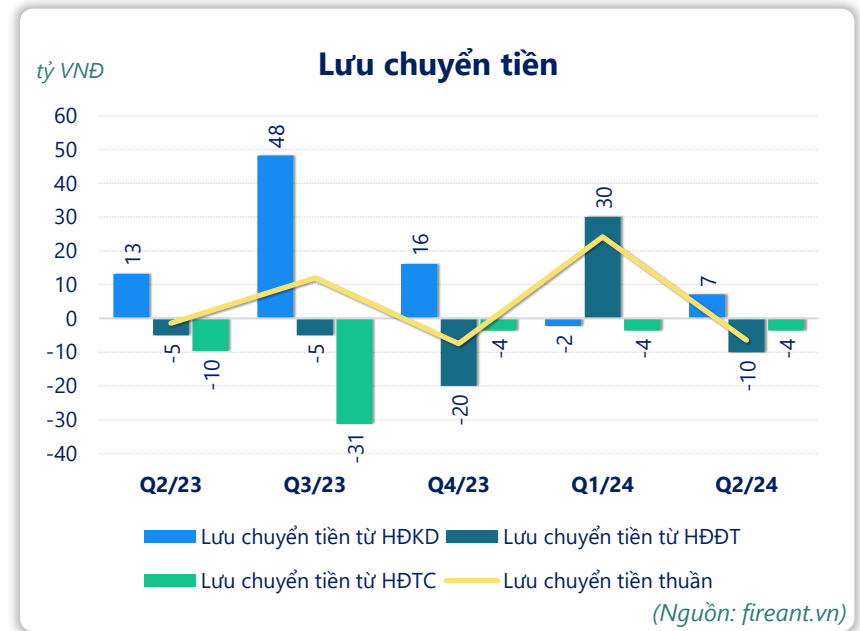
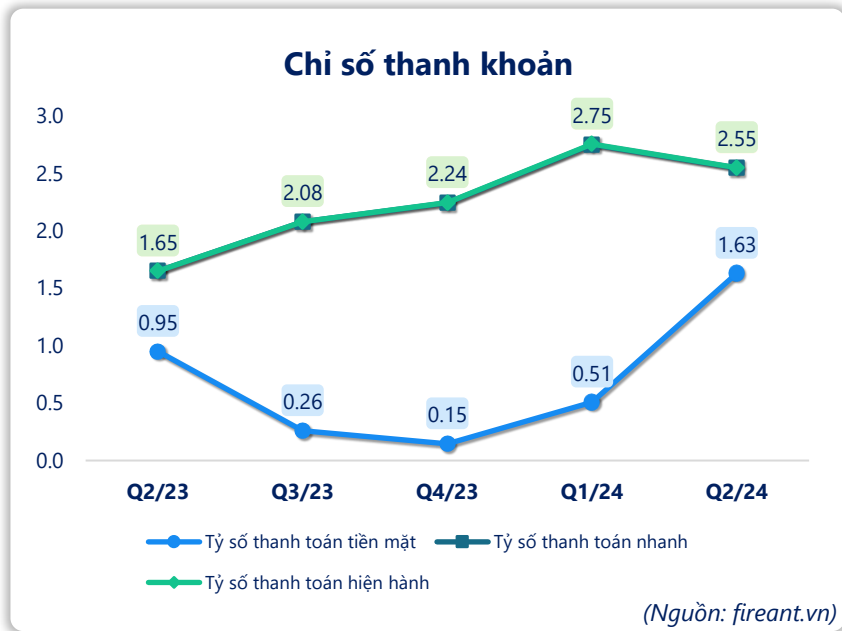
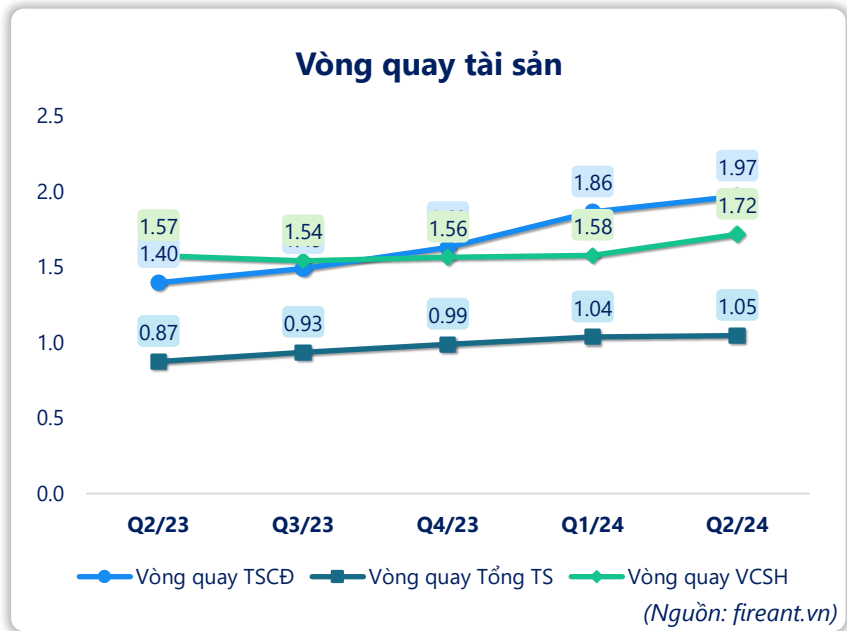
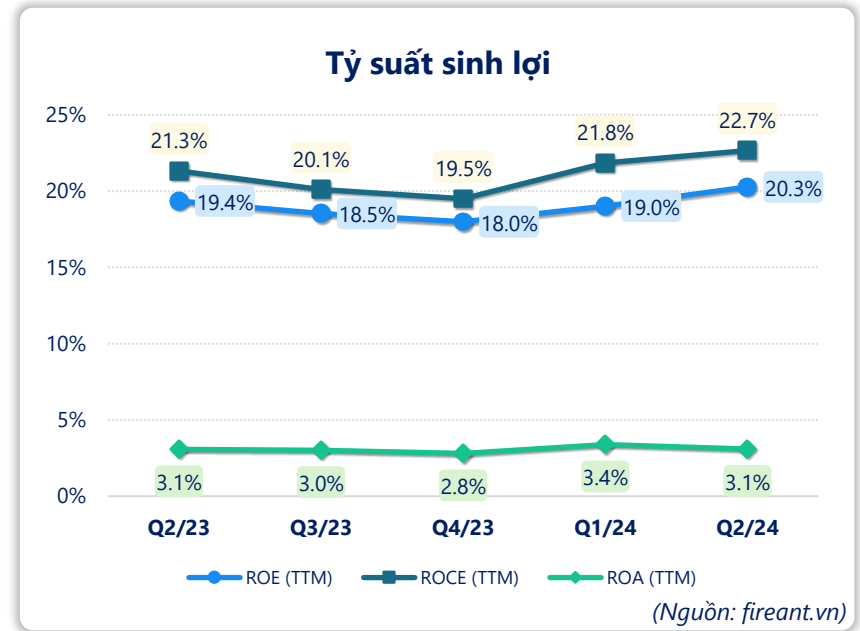
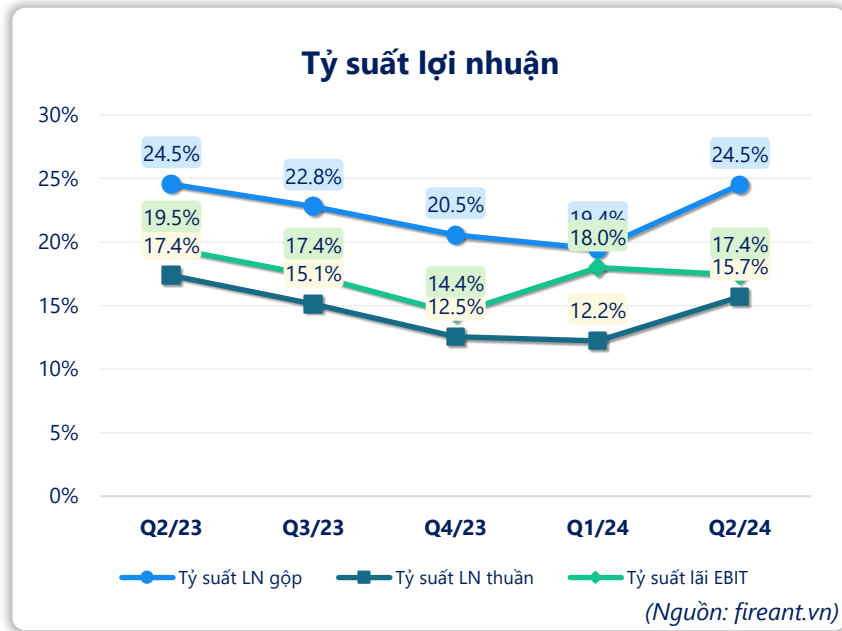
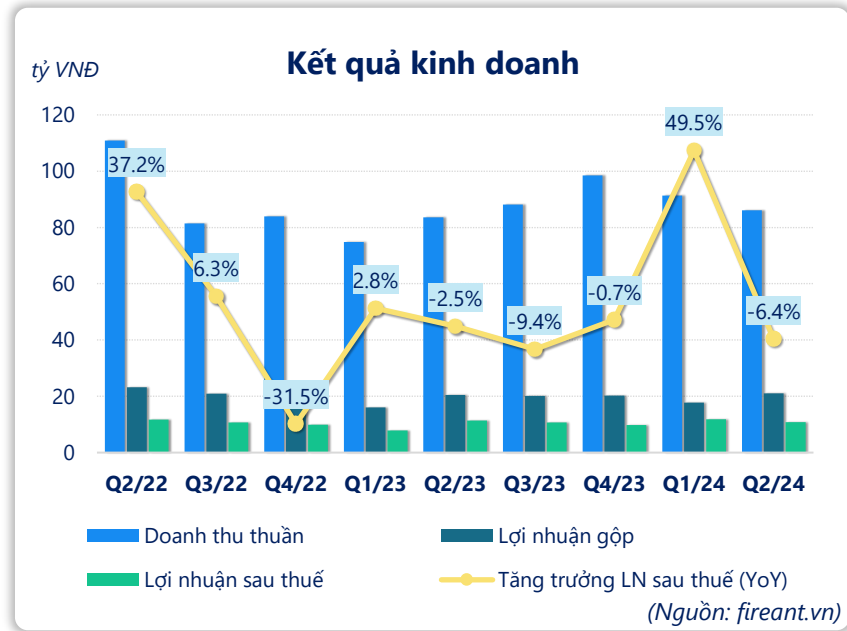


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		21,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,245
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,404
SL cổ phiếu LH		16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		365
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		343
P/E		8.0
EPS		2,674

	YTD	1T	3T	6T
PNP	25.7%	7.4%	15.6%	23.7%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	337	349	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	176	156	13.4%
Tiền và tương đương tiền	113	115	-2.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.1	39.7	53.9%
Hàng tồn kho	0.29	0.29	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.26	0.51	344%
Tài sản dài hạn	160	193	-17.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	159	192	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.44	1.44	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.20	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	125	-5.7%
Nợ ngắn hạn	69.2	69.1	0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	36.5	-66.7%
Nợ dài hạn	49.2	56.4	-12.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.2	56.4	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	218	224	-2.3%
Vốn chủ sở hữu	218	224	-2.3%
Vốn điều lệ	161	161	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	83.6	88.2	98.5	91.4	86.1
Giá vốn hàng bán	63.1	68.1	78.3	73.6	65.0
Lợi nhuận gộp	20.5	20.1	20.2	17.8	21.1
Doanh thu HĐTC	1.16	0.56	1.17	0.33	0.52
Chi phí TC	2.07	2.00	1.91	1.67	1.51
Chi phí lãi vay	2.07	2.00	1.91	1.67	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.10	5.34	7.14	5.27	6.58
LN thuần từ HĐKD	14.5	13.3	12.4	11.2	13.5
Lợi nhuận khác	-0.28	0.00	-0.12	3.60	-0.05
LN trước thuế	14.2	13.3	12.2	14.8	13.5
Lợi nhuận sau thuế	11.4	10.7	9.79	11.8	10.8
LNST của CĐ cty mẹ	11.4	10.7	9.79	11.8	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.2	48.3	16.1	-2.25	7.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.00	-5.00	-20.0	30.0	-10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.65	-31.3	-3.61	-3.62	-3.61
Tiền đầu kỳ	6.99	5.55	17.5	10.0	34.2
Lưu chuyển tiền thuần	-1.44	12.0	-7.49	24.1	-6.48
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.55	17.5	10.0	34.2	27.7

(Nguồn: fireant.vn)